TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02283

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168001	LÊ HOÀI	AN	CD08CA	1		8,1	8	1
2	09363014	LÊ THỊ	ANH	CD09CA	1		8,5	8	5
3	08168003	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	CD08CA	1		7,2	7	2
4	09363017	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	CD09CA	1		8,2	8	2
5	08123005	PHAN THỊ THÁI	ANH	DH08KE	1		5,0	5	0
6	09363021	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	CD09CA	1		7,0	7	0
7	08168006	PHAN THỊ HỒNG	BẠN	CD08CA	1		9,3	9	3
8	09123010	PHAN THỊ CẨM	CHI	DH09KE	1		6,0	6	0
9	08168009	ĐOÀN QUYẾT	CHIẾN	CD08CA	1		8,0	8	0
10	07363014	NGÔ THÀNH	CHUNG	CD08CA	1		8,2	8	2
11	08168010	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	CD08CA	1		5,1	5	1
~~12~~	~~07130010~~	~~HUỲNH NGỌC~~	CƯỜNG	CD08CA			-		
13	08168012	HUỲNH THỊ	CỨU	CD08CA	1		9,2	9	2
14	07363018	ĐÀO THỊ NGỌC	DIỆU	CD08CA	1		4,0	4	0
15	08168015	TRẦN THỊ	DIỆU	CD08CA	1		10,0	10	0
16	08123019	LÊ THỊ THU	DUNG	DH08KE	1		7,5	7	5
17	08168017	TRỊNH PHƯƠNG	DUNG	CD08CA	1		9,8	9	8
18	09363047	HỒ THỊ	DỤNG	CD09CA	1		8,0	8	0

Số bài: 34; Số tờ: 34

Cán bộ coi thi 1&2 — Phan Thị Quyết Thắng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02283

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08168020	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	CD08CA	1		5,1		
20	08168021	TRẦN THỊ KIM	ĐỈNH	CD08CA	1		1,0		
21	09363053	CAO THỊ DIỆU	ĐỨC	CD09CA	1		5,0		
22	08168023	NGUYỄN MINH	ĐỨC	CD08CA	1		8,4		
23	08168024	HUỲNH THỊ SƯƠNG	EM	CD08CA	1		9,0		
24	09363054	BÙI THỊ	GIANG	CD09CA	1		8,1		
25	08123028	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÚP	DH08KE	1		9,8		
26	08168028	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	CD08CA	1		9,9		
27	08168030	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	CD08CA	1		7,5		
28	08168032	TRẦN THỊ THU	HẠNH	CD08CA	1		9,9		
29	08123034	LƯƠNG THỊ THÚY	HẰNG	DH08KE	1		9,0		
30	07363038	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	CD08CA	1		8,0		
31	08123036	TRẦN THỊ	HẰNG	DH08KE	1		9,7		
32	09363072	VĂN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		8,5		
33	08168035	HỒ THỊ BÍCH	HIỀN	CD08CA	1		10,0		
34	08168036	HUỲNH THỊ	HIẾU	CD08CA	1		9,2		
35	08168037	HÀ THỊ	HOA	CD08CA	1		8,0		

Số bài:...34....; Số tờ:...34.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Phạm thị Tuyết Hồng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02316

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168038	NGUYỄN THỊ MAI	HOA	CD08CA	1	Hoa.	8,0	8	0
2	09363081	TRỊNH THỊ MỸ	HOÀN	CD09CA	1	Hoàn	7,9	7	9
3	08168040	NGUYỄN THỊ	HÒE	CD08CA	1	Hòe	9,4	9	4
4	08168041	HÀ THỊ KIM	HỒNG	CD08CA	1	Hồng	7,0	7	0
5	08168045	TRẦN THỊ	HUỆ	CD08CA	1	Huệ	8,5	8	5
6	07123085	HOÀNG THỊ THANH	HUYỀN	DH08KE	1	Huyền	8,0	8	0
7	08168051	NGUYỄN THANH	KIỀU	CD08CA	1	Kiều	7,0	7	0
8	08168053	PHẠM THỊ MỸ	KIỀU	CD08CA	1	Mỹ	8,3	8	3
9	08168056	TRẦN THỊ	KIM	CD08CA	1	Kim	7,2	7	2
10	08168059	PHẠM THANH THỊ	LAN	CD08CA	1	Thanh	8,5	8	5
11	08168058	PHAN THỊ	LAN	CD08CA	1	Thanh	8,2	8	2
12	08168060	VÕ THỊ BÍCH	LAN	CD08CA	1	Bích	8,0	8	0
13	08168063	NGÔ THANH	LÂM	CD08CA	1	Lâm	7,3	7	3
14	08168065	HOÀNG BÍCH	LỆ	CD08CA	1	Lệ	10,0	10	0
15	08168067	LÊ THỊ PHƯƠNG	LIÊN	CD08CA	1	Liên	7,2	7	2
16	08123079	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	DH08KE	1	Liên	8,0	8	0
17	08168069	NGUYỄN THỊ KIỀU	LINH	CD08CA	1	Linh	8,1	8	1
18	08123085	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH08KE	1	Mỹ	0,1	V	1

Số bài:....35.....; Số tờ:.....35.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02316

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08168070	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	CD08CA	1		0,1	V 1	0 1
20	08168071	PHẠM THỊ TRÚC	LINH	CD08CA	1	Linh	4,0	V 0 4	0
21	08168072	TRẦN THỊ	LINH	CD08CA	1	Linh	7,0	V 0 7	0 1
22	08168073	NGUYỄN ĐÀI	LOAN	CD08CA	1	Loan	8,0	V 0 8	0
23	08168074	NGUYỄN THỊ	LOAN	CD08CA	1		7,5	V 0 7	0 5
24	08168075	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN	CD08CA	1	Loan	9,9	V 0 9	0 9
25	08123093	VŨ THỊ HƯƠNG	LOAN	DH08KE	1	Loan	8,0	V 0 8	0
26	08123094	NGUYỄN HOÀNG	LONG	DH08KE	1	Long	9,4	V 0 9	0 4
27	08168077	NGUYỄN THỊ THÙY	LY	CD08CA	1	Ly	9,2	V 0 9	0 2
28	08168078	NGUYỄN THỊ	LÝ	CD08CA	1	Lý	9,4	V 0 9	0 4
29	09363119	NGUYỄN THỊ	MAI	CD09CA	1	Mai	0,1	V 1	0 1
30	08168082	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	CD08CA	1		7,1	V 0 7	0 1
31	08168085	NGUYỄN HOÀNG	MINH	CD08CA	1		0,1	V 1	0 1
32	07114084	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH08KE	1		8,1	V 0 8	0 1
33	08168091	PHÙ THỊ THÚY	NGA	CD08CA	1	Nga	10,0	V 0 10	1
34	08168092	PHÙNG THỊ	NGA	CD08CA	1		8,5	V 0 8	0 5
35	08168093	TRẦN THỊ THANH	NGA	CD08CA	1		8,0	V 0 8	1
								V 0	0

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02317

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168094	VÕ THỊ TỐ	NGA	CD08CA	.		1,5	1	5
2	08123109	ĐINH THỊ	NGÀ	DH08KE	.1		10,0	10	0
3	08168095	HUỲNH BÍCH NHƯ	NGÂN	CD08CA	.1		3,2	3	2
4	07363114	NGUYỄN VŨ KIM	NGÂN	CD08CA	.1		8,1	8	1
5	08168097	TRẦN THỊ THÚY	NGÂN	CD08CA	.1		7,8	7	8
6	08168098	MAI THỊ THÚY	NGỌC	CD08CA	.1		8,5	8	5
7	08168099	NGUYỄN HẠNH	NGỌC	CD08CA	.1		9,2	9	2
8	08168100	NGUYỄN THỊ	NGỌC	CD08CA	.1		8,4	8	4
9	08123121	THÁI THỊ HỒNG	NGỌC	DH08KE	.1		8,0	8	0
10	08168102	VŨ THỊ	NGỌC	CD08CA	.1		8,1	8	1
11	08168208	CAO THÁI	NGUYÊN	CD08CA	.1		9,2	9	2
12	07363124	LÊ ĐỨC	NGUYÊN	CD08CA	.1		8,0	8	0
13	08168103	HỒ VŨ ÁNH	NGUYỆT	CD08CA	.1		8,1	8	1
14	08168105	LÊ THỊ	NHANH	CD08CA	.1		6,2	6	2
15	09363141	TRƯƠNG THỊ	NHUNG	CD09CA	.1		7,6	7	6
16	08168112	VŨ THỊ QUỲNH	NHƯ	CD08CA	.1		9,0	9	0
17	07363131	NGUYỄN HÀ MI	NI	CD08CA	.1		7,1	7	1
18	08168114	NGUYỄN THỊ	PHÚ	CD08CA	.1		9,2	9	2

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1&2 | Duyệt của Trưởng Bộ môn | Cán bộ chấm thi 1&2 | Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02317

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09363148	HỒ HỮU	PHÚC	CD09CA	1		0,1	1	1
20	08168113	VÒNG SỐI	PHÙNG	CD08CA	1		9,8	9	8
21	08168117	LÊ THỊ NGỌC	PHƯƠNG	CD08CA	1		8,6	8	6
22	08168118	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	CD08CA	1		0,1	1	1
23	08168122	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	CD08CA	1		8,6	8	6
24	08168123	TRẦN THỊ NHÃ	PHƯƠNG	CD08CA	1		10,0	10	0
25	07363140	ĐINH KIM	PHƯỢNG	CD08CA	1		6,5	6	5
26	09363162	NGUYỄN THỊ LAN	QUYÊN	CD09CA	1		8,4	8	4
27	08168126	TRẦN THỊ	SOA	CD08CA	1		7,6	7	6
28	08168128	NGUYỄN THỊ KIỀU	SƯƠNG	CD08CA	1		8,2	8	2
29	09363169	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	CD09CA	1		7,5	7	5
30	09363170	NGUYỄN THỊ	SỸ	CD09CA	1		8,2	8	2
31	08168131	NGUYỄN THỊ	TÂM	CD08CA	1		8,0	8	0
32	08168132	VŨ HOÀNG	TÂM	CD08CA	1		8,6	8	6

Số bài: 32 ; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2 — Hồ Lê Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02318

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168133	ĐẶNG THỊ HUYỀN	THANH	CD08CA			7,6	8	6
2	08168134	ĐỖ HOÀNG	THANH	CD08CA			6,5	7	5
3	08168135	HỒ THỊ THU	THANH	CD08CA			8,2	8	2
4	08168138	VŨ THỊ	THANH	CD08CA		Thanh	7,4	7	4
5	08168139	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	CD08CA			9,2	9	2
6	09363178	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	CD09CA			7,2	7	2
7	08168142	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD08CA			7,0	7	0
8	08168145	PHẠM LÊ PHƯƠNG	THẢO	CD08CA			3,5	3	5
9	09363181	PHẠM THỊ	THẢO	CD09CA			9,3	9	3
10	08168146	PHẠM THỊ NGỌC	THẢO	CD08CA			6,0	6	0
11	08168147	LÊ BÁ	THẮNG	CD08CA			5,5	5	5
12	08168148	ĐOÀN THỊ	THE	CD08CA			8,2	8	2
13	08168149	NGUYỄN THỊ	THÌN	CD08CA			9,2	9	2
14	08168150	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	CD08CA			9,9	9	9
15	09363193	SIÊU THỊ KIM	THOA	CD09CA			9,0	9	0
16	08123167	PHAN THỊ HOÀI	THU	DH08KE			9,8	9	8
17	08168155	TRẦN THỊ	THU	CD08CA			9,0	9	0
18	08123169	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	DH08KE			7,5	7	5

Số bài: 32 ; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2 — Nguyễn Thị Minh Hải

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 7 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02318

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08168156	NGUYỄN THỊ XUÂN	THÙY	CD08CA			8,2	8	2
20	08168157	ĐẶNG THỊ THANH	THỦY	CD08CA			4,5	4	5
21	09363203	GIANG THỊ HỒNG	THỦY	CD09CA			7,0	7	0
22	09363205	HUỲNH THỊ HỒNG	THÙY	CD09CA			4,0	4	0
23	09363199	LƯỜNG THỊ	THỦY	CD09CA			7,1	7	1
24	08168160	VŨ THỊ THU	THỦY	CD08CA			8,1	8	1
25	08168161	HỒ THỊ THANH	THÚY	CD08CA			8,3	8	3
26	08168163	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	CD08CA			7,1	7	1
27	08168164	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	CD08CA			9,7	9	7
28	08168166	MAI THỊ MINH	THƯ	CD08CA			8,3	8	3
29	08168167	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	CD08CA			7,4	7	4
30	08168168	NGUYỄN LÊ HOÀI	THƯƠNG	CD08CA			9,7	9	7
31	08123176	PHẠM HOÀNG NỮ ANH	THY	DH08KE			7,9	7	9
32	08168169	PHẠM THỊ CẨM	TIÊN	CD08CA			8,1	8	1

Số bài: 32; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2 — Nguyễn Thị Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02319

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168171	HUỲNH THỊ	TÌNH	CD08CA	1		9,6	9	6
2	08168172	LƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	CD08CA	1		8,1	8	1
3	08168173	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	CD08CA	1		7,6	7	6
4	08168175	NGUYỄN THỊ	TRANG	CD08CA	1		8,0	8	0
5	08168176	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD08CA	1		7,0	7	0
6	08168179	LÊ THỊ MỸ	TRÂM	CD08CA	1		7,1	7	1
7	08123185	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	DH08KE	1		8,2	8	2
8	08168180	ĐẶNG BẢO	TRÂN	CD08CA	1		7,0	7	0
9	08168181	LÊ THỊ QUỲNH	TRÂN	CD08CA	1		8,1	8	1
10	08168183	NGUYỄN THỊ	TRẺ	CD08CA	1		9,0	9	0
11	08123187	NGUYỄN THỊ	TRIÊM	DH08KE	1		10,0	10	0
12	08168184	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRINH	CD08CA	1		8,1	8	1
13	08168185	QUÁCH THỊ THU	TRINH	CD08CA	1		9,8	9	8
14	08168186	NGUYỄN THỊ THU	TRÚC	CD08CA	1		9,7	9	7
15	08168187	PHẠM NGỌC	TRƯNG	CD08CA	1		8,9	8	9
16	08168188	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	CD08CA	1		8,0	8	0
17	08168197	ĐẶNG THỊ NGỌC	TÚ	CD08CA	1		8,6	8	6
18	09363282	ĐÀO THỊ CẨM	TUYỀN	CD09CA	1		4,1	4	1

Số bài: 35 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02319

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Kế toán hành chính sự nghiệp (208318) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 005 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08168192	TRẦN THỊ DIỄM	TUYỀN	CD08CA	1		8,2	8	2
20	08168193	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	CD08CA	1		9,2	9	2
21	08168195	HỒ LÊ ÁNH	TUYẾT	CD08CA	1		8,6	8	6
22	08168196	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	CD08CA	1		7,3	7	3
23	09363255	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	CD09CA	1		7,1	7	1
24	08123200	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH08KE	1		9,7	9	7
25	08123201	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	DH08KE	1		9,8	9	8
26	08168199	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	CD08CA	1		8,2	8	2
27	08168202	TRẦN THỊ NGỌC	VÂN	CD08CA	1		9,7	9	7
28	07363234	LÊ NGỌC	VŨ	CD08CA	1		8,0	8	0
29	09363263	HOÀNG THỊ	VUI	CD09CA	1		7,5	7	5
30	08168205	NGUYỄN BẢO	XUÂN	CD08CA	1		9,9	9	9
31	07123294	PHAN THỊ	XUYẾN	DH08KE	1		9,9	9	9
32	07363226	ĐỖ THỤY NHƯ	Ý	CD08CA	1		0,1	0	1
33	07123295	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	DH08KE	1		10,0	10	0
34	08158193	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	CD09CA	1		9,0	9	0
35	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	CD09CA	1		6,0	6	0

Số bài:.....35.....; Số tờ:.....35.....

Cán bộ coi thi 1&2 | Duyệt của Trưởng Bộ môn | Cán bộ chấm thi 1&2 | Ngày tháng năm